

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số thẩm quyền quyết định trong
quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 20

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính
phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm
2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài
sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính
phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối
với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 482/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Nghị quyết quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 164/BC-BKTNS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình số 472/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, bao gồm các nội dung sau:

1. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ, bao gồm: mua sắm tài sản công, vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Thẩm quyền quyết định tại quy định này không áp dụng đối với:

a) Việc bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị

hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định;

b) Việc mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô); mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản công; quyết định khai thác tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên;

c) Việc thanh lý tài sản công đối với các tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ nhà, tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước;

đ) Việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

e) Việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phân cấp của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ, bao gồm: phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; quyết định bán, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

3. Thẩm quyền quyết định đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc thẩm quyền phân cấp của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ, bao gồm: xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

4. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội quy định tại điểm d, đ khoản 2

Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, được bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

Thẩm quyền quyết định tại quy định này không áp dụng đối với:

a) Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

b) Việc mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố gồm:

a) Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến mua sắm hàng hóa, dịch vụ và quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu và pháp luật có liên quan; phù hợp với quy định về phân cấp kinh tế - xã hội, tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của Thành phố.

2. Đảm bảo rõ thẩm quyền, rõ đối tượng, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu, pháp

luật về ngân sách nhà nước, Luật Thủ đô và pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mua sắm tài sản là nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định mua sắm các tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Đối với tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia

hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định).

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi,

quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định thuê tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định khai thác tài sản công quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 10b và điểm d, đ khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản là nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản là xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thu hồi đối với tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển tài sản là nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển đối với:

a) Tài sản là xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

b) Tài sản khác, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, giữa Thành phố và quận, huyện, thị xã và giữa các quận, huyện, thị xã.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản khác, trừ tài sản quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định điều chuyển tài

sản khác, trừ tài sản quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán tài sản là nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (Không bao gồm nhà biệt thự thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 và Nghị quyết số 04/NQ- HĐND ngày 04 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố); xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Đối với tài sản là nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất trong nguyên giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán tài sản cố định khác, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản cố định khác (trừ xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản cố định khác (trừ xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản cố định khác (trừ nhà, tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản cố định khác (trừ nhà, tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

Điều 14. Thảm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định tiêu hủy tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Các tài sản là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định có liên quan.

Điều 15. Thảm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc

phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản cố định khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này, tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt phương án giao tài sản do cấp mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Việc giao đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như đối với thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết này và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN
KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

Điều 17. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và thuộc phạm vi quản lý của các quận, huyện, thị xã. Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại

tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Thành phố quản lý, hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc quyền quản lý của từ 02 quận, huyện, thị xã trở lên.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của quận, huyện, thị xã.

Chương IV**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP
QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN****Điều 19. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định giải thể theo ủy quyền;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xác lập quyền sở

hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, trừ di sản không có người thừa kế là bất động sản, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tịch thu;

b) Đối với phương án xử lý tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Thành phố phê duyệt.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận, trừ các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, bao gồm: Bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính, trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận, trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế; hàng hóa tồn đọng không thuộc địa bàn hoạt động hải quan:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là

bất động sản vô chủ và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác, trừ bất động sản vô chủ và tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Ủy ban nhân dân Thành phố trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận;

b) Chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch;

c) Hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp (nếu có) định kỳ hàng năm về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định;

đ) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội chủ động phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có thẩm quyền quyết định quy định tại Nghị quyết này có trách nhiệm thực hiện đảm bảo theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tài sản công, hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội mà tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này xem xét, quyết định.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn